

**THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY  
ĐỢT 4 NĂM 2026**

Trường Đại học Thành Đô đạt chuẩn chất lượng giáo dục quốc tế QS Stars 4 sao và đạt chuẩn chất lượng giáo dục Quốc gia

Nhà trường thông báo tuyển sinh Đại học chính quy đợt 4 năm 2026 như sau:

**1. Đối tượng**

Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định.

**2. Thời gian**

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 19/08/2026 đến ngày 31/08/2026.
- Thời gian xét tuyển: Ngày 03/09/2029.
- Thời gian nhập học: **05/09/2026**.

**3. Phương thức tuyển sinh:**

- Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT
- Xét tuyển theo kết quả học tập THPT
- Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy
- Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT

*Ghi chú: Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào các ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

**4. Ngành tuyển sinh, chỉ tiêu, tổ hợp xét tuyển**

| TT                                  | Ngành tuyển sinh                 | Chỉ tiêu<br>(Dự kiến) | Tổ hợp xét tuyển                                             |
|-------------------------------------|----------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------|
| <b>A. Nhóm ngành Công nghệ</b>      |                                  |                       |                                                              |
| 1                                   | Công nghệ thông tin              | 25                    | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh   |
| 2                                   | Công nghệ kỹ thuật Ô tô          | 10                    | A0C: Toán, Vật lý, Công nghệ<br>C03: Toán, Ngữ văn, Lịch sử  |
| 3                                   | Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử | 5                     | D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>D07: Toán, Hóa, Tiếng Anh   |
| <b>B. Nhóm ngành Kinh tế - Luật</b> |                                  |                       |                                                              |
| 4                                   | Kế toán                          | 25                    | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh   |
| 5                                   | Quản trị Kinh doanh              | 20                    | C03: Toán, Ngữ văn, Lịch sử<br>C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý |
| 6                                   | Quản trị Văn phòng               | 15                    | D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                                |

| TT                                              | Ngành tuyển sinh                 | Chỉ tiêu<br>(Dự kiến) | Tổ hợp xét tuyển                                                                                             |
|-------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7                                               | Luật                             | 25                    | D09: Toán, Tiếng Anh, Lịch sử                                                                                |
| <b>C. Nhóm ngành sức khỏe</b>                   |                                  |                       |                                                                                                              |
| 8                                               | Dược học                         | 50                    | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>A02: Toán, Sinh học, Vật lý<br>A03: Toán, Vật lý, Lịch sử                      |
| 9                                               | Điều dưỡng                       | 30                    | B00: Toán, Hóa học, Sinh học<br>B08: Toán, Tiếng Anh, Sinh học<br>D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh              |
| <b>D. Nhóm ngành Ngôn ngữ - Khoa học xã hội</b> |                                  |                       |                                                                                                              |
| 10                                              | Ngôn ngữ Anh                     | 15                    | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>C03: Toán, Ngữ văn, Lịch sử<br>D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                   |
| 11                                              | Ngôn ngữ Trung Quốc              | 5                     | D04: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Trung<br>D09: Toán, Tiếng Anh, Lịch sử<br>D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh          |
| 12                                              | Quản trị khách sạn               | 15                    | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>C0G: Ngữ văn, Lịch sử, GD Kinh tế và pháp luật |
| 13                                              | Việt Nam học (Hướng dẫn du lịch) | 20                    | C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý<br>D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                                               |
| 14                                              | Giáo dục học                     | 10                    | D09: Toán, Tiếng Anh, Lịch sử                                                                                |

### 5. Học phí, lệ phí

- Học phí

| STT | Khối ngành                                  | Đơn giá<br>(VNĐ)/tín chỉ |
|-----|---------------------------------------------|--------------------------|
| 1   | Khối ngành Kinh tế; Du lịch - Ngoại ngữ     | 800.000                  |
| 2   | Khối ngành Kỹ thuật; Luật                   | 850.000                  |
| 3   | Ngành Giáo dục học                          | 950.000                  |
| 4   | Ngành Dược; Điều dưỡng; Ngôn ngữ Trung Quốc | 1.050.000                |

- Lệ phí xét tuyển và hồ sơ: 100.000 đồng

### 6. Lộ trình học tập

- Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng, sinh viên được thực tập tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

+ Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, sinh viên tham gia kỳ trại hè hoặc trại đông tại Trung Quốc thời gian **02 tuần**.

+ Các ngành khác sinh viên thực tập tại Trung Quốc thời gian **0,5 năm**.

- Tổng thời gian học tập: Các ngành 3,5 năm - 4 năm; ngành Dược học: 5 năm.

- Các thông tin khác, thí sinh tham khảo tại website: [www.thanhdo.edu.vn](http://www.thanhdo.edu.vn)

## 7. Hồ sơ xét tuyển bao gồm:

- 01 bản sao công chứng bằng tốt nghiệp THPT (Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời) hoặc Trung học nghề (Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình văn hóa THPT); học bạ THPT/ Trung học nghề (Bảng ghi kết quả học tập văn hóa THPT).
- 01 bản sao công chứng căn cước hoặc căn cước công dân, giấy khai sinh, các giấy tờ ưu tiên khác (nếu có).

## 8. Đăng ký và nộp hồ sơ

- **Cách 1:** Đăng ký trực tuyến tại :

**Website:** <https://tuyensinh.thanhdo.edu.vn/>

**Fanpage:** <https://www.facebook.com/truongdaihocthanhdo>

hoặc quét mã QR đăng ký



- **Cách 2:** Đăng ký trực tiếp tại trường hoặc chuyển phát qua đường bưu điện

- Văn phòng Tuyển sinh số 1 - Tầng 1, Nhà A, Trường Đại học Thành Đô

Km 15, Quốc lộ 32, Hoài Đức, Hà Nội

- Văn phòng Tuyển sinh số 2: Số 8, Phố Kiều Mai, Xuân Phương, Hà Nội

**Hotline: 0934.078.668, 02433.861.601**